

LỊCH HỌC THỰC HÀNH KỲ I NĂM HỌC 2025-2026
(Từ ngày 14 tháng 09 đến 21 tháng 09 năm 2025)

TT	Hệ	Khóa	Lớp	Học phần/ Môn học	Nhóm	SL HSSV	Tiết học - Phòng học /Tổng số buổi học																								Giáo viên	Đơn vị quản lý giảng viên
							Thứ 2			Thứ 3			Thứ 4			Thứ 5			Thứ 6			Thứ 7			CN							
							Tiết học	Phòng- Nhà	Buổi học/ Tổng số buổi	Tiết học	Phòng- Nhà	Buổi học/ Tổng số buổi	Tiết học	Phòng- Nhà	Buổi học/ Tổng số buổi	Tiết học	Phòng- Nhà	Buổi học/ Tổng số buổi	Tiết học	Phòng- Nhà	Buổi học/ Tổng số buổi	Tiết học	Phòng- Nhà	Buổi học/ Tổng số buổi	Tiết học	Phòng- Nhà	Buổi học/ Tổng số buổi					
1	ĐH	17	20251AT6079001	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa hệ thống cơ điện tử ô tô	CL	30	1+6	419-A10	3/10																			Lê Hữu Chúc	TTTTHTNOTO			
2	ĐH	17	20251AT6079002	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa hệ thống cơ điện tử ô tô	CL	30									1+6	419-A10	3/10												Lê Hữu Chúc	TTTTHTNOTO		
3	ĐH	18	20251AT6043001	Kết cấu ô tô	CL	20												13+18	404-A10	1/3									Ngô Quang Tạo	TTTTHTNOTO		
4	ĐH	18	20251AT6043002	Kết cấu ô tô	CL	20												1+6	404-A10	1/3									Ngô Quang Tạo	TTTTHTNOTO		
5	ĐH	18	20251AT6043003	Kết cấu ô tô	CL	20	13+18	409-A10	3/15																				Lê Đình Mạnh	TTTTHTNOTO		
6	ĐH	18	20251AT6043004	Kết cấu ô tô	CL	20																			1+6	408-A10	3/15	Nguyễn Thành Vinh	TTTTHTNOTO			
7	ĐH	18	20251AT6043005	Kết cấu ô tô	CL	20																			7+12	408-A10	3/15	Nguyễn Thành Vinh	TTTTHTNOTO			
8	ĐH	18	20251AT6043006	Kết cấu ô tô	CL	20				13+18	408-A10	1/3																	Đoàn Công Thành	TTTTHTNOTO		
9	ĐH	18	20251AT6043007	Kết cấu ô tô	CL	20							1+6	409-A10	1/3														Nguyễn Tuấn Nghĩa	TTTTHTNOTO		
10	ĐH	18	20251AT6043008	Kết cấu ô tô	CL	20							7+12	409-A10	1/3														Nguyễn Tuấn Nghĩa	TTTTHTNOTO		
11	ĐH	18	20251AT6043009	Kết cấu ô tô	CL	20							13+18	409-A10	1/3														Nguyễn Thành Vinh	TTTTHTNOTO		
12	ĐH	18	20251AT6043010	Kết cấu ô tô	CL	20										1+6	404-A10	3/15											Chu Đức Hùng	TTTTHTNOTO		
13	ĐH	18	20251AT6043011	Kết cấu ô tô	CL	20										7+12	404-A10	3/15											Chu Đức Hùng	TTTTHTNOTO		
14	ĐH	18	20251AT6043012	Kết cấu ô tô	CL	19										13+18	404-A10	3/15											Ngô Quang Tạo	TTTTHTNOTO		
15	ĐH	18	20251AT6043013	Kết cấu ô tô	CL	20													1+6	408-A10	1/3								Lê Đình Mạnh	TTTTHTNOTO		
16	ĐH	18	20251AT6043014	Kết cấu ô tô	CL	20													7+12	408-A10	1/3								Lê Đình Mạnh	TTTTHTNOTO		
17	ĐH	18	20251AT6043015	Kết cấu ô tô	CL	20													13+18	408-A10	1/3								Chu Đức Hùng	TTTTHTNOTO		
18	ĐH	18	20251AT6043016	Kết cấu ô tô	CL	20																1+6	409-A10	1/3					Đoàn Công Thành	TTTTHTNOTO		
19	ĐH	18	20251AT6043017	Kết cấu ô tô	CL	20																7+12	409-A10	1/3					Đoàn Công Thành	TTTTHTNOTO		
20	ĐH	18	20251AT6043 TA001	Automotive Chassis Engineering	CL	28							7+12	408-A10	1/3														Nguyễn Xuân Khoa	TTTTHTNOTO		
21	ĐH	17	20251AT6057_TA001	Electrical Automotive Diagnostic and Repair Engineering	CL	14							1+6	403-A10	1/3														Lê Hữu Chúc	TTTTHTNOTO		
22	ĐH	17	20251AT6052 TA001	Automotive Diagnostic and Repair	CL	14										1+6	409-A10	3/15											Nguyễn Xuân Khoa	TTTTHTNOTO		
23	ĐH	17	20251AT6052001	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa ô tô	CL	22				1+6	404-A10	1/3																	Ngô Quang Tạo	TTTTHTNOTO		
24	ĐH	17	20251AT6052002	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa ô tô	CL	22							1+6	404-A10	1/3														Chu Đức Hùng	TTTTHTNOTO		
25	ĐH	17	20251AT6052003	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa ô tô	CL	22										1+6	408-A10	3/15											Nguyễn Xuân Tuấn	TTTTHTNOTO		
26	ĐH	17	20251AT6052004	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa ô tô	CL	22													1+6	409-A10	1/3								Bùi Văn Hải	TTTTHTNOTO		
27	ĐH	17	20251AT6052006	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa ô tô	CL	22	7+12	409-A10	3/15																				Lê Đình Mạnh	TTTTHTNOTO		
28	ĐH	17	20251AT6052007	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa ô tô	CL	22				7+12	404-A10	1/3																	Ngô Quang Tạo	TTTTHTNOTO		
29	ĐH	17	20251AT6052008	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa ô tô	CL	22							7+12	404-A10	1/3														Chu Đức Hùng	TTTTHTNOTO		
30	ĐH	17	20251AT6052009	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa ô tô	CL	22										7+12	408-A10	3/15											Trịnh Đặc Phong	TTTTHTNOTO		
31	ĐH	17	20251AT6052013	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa ô tô	CL	22				13+18	404-A10	1/3																	Lê Duy Long	TTTTHTNOTO		

TT	Hệ	Khóa	Lớp	Học phần/ Môn học	Nhóm	SL HSSV	Tiết học - Phòng học /Tổng số buổi học																									
							Thứ 2			Thứ 3			Thứ 4			Thứ 5			Thứ 6			Thứ 7			CN							
							Tiết học	Phòng- Nhà	Buổi học/ Tổng số buổi	Tiết học	Phòng- Nhà	Buổi học/ Tổng số buổi	Tiết học	Phòng- Nhà	Buổi học/ Tổng số buổi	Tiết học	Phòng- Nhà	Buổi học/ Tổng số buổi	Tiết học	Phòng- Nhà	Buổi học/ Tổng số buổi	Tiết học	Phòng- Nhà	Buổi học/ Tổng số buổi	Tiết học	Phòng- Nhà	Buổi học/ Tổng số buổi					
32	ĐH	17	20251AT6052014	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa ô tô	CL	22						13×18	404-A10	1/3													Lê Đình Mạnh	TTTTHTNTO				
33	ĐH	17	20251AT6052017	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa ô tô	CL	22													13×18	404-A10	1/3							Nguyễn Thế Anh	TTTTHTNTO			
34	ĐH	17	20251AT6057001	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa điện-điện tử ô tô	CL	22					1+6	418-A10	1/3															Nguyễn Thành Bắc	TTTTHTNTO			
35	ĐH	17	20251AT6057003	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa điện-điện tử ô tô	CL	22					7×12	419-A10	1/3															Nguyễn Trung Kiên	TTTTHTNTO			
36	ĐH	17	20251AT6057005	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa điện-điện tử ô tô	CL	22									1+6	403-A10	3/15											Ngô Quang Tạo	TTTTHTNTO			
37	ĐH	17	20251AT6057007	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa điện-điện tử ô tô	CL	22					1+6	403-A10	1/3															Nguyễn Xuân Khoa	TTTTHTNTO			
38	ĐH	17	20251AT6057009	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa điện-điện tử ô tô	CL	22									7×12	418-A10	3/15												Lê Hữu Chúc	TTTTHTNTO		
39	ĐH	17	20251AT6057010	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa điện-điện tử ô tô	CL	22												7×12	418-A10	1/3									Chu Đức Hùng	TTTTHTNTO		
40	ĐH	17	20251AT6057011	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa điện-điện tử ô tô	CL	22			13×18	403-A10	3/15																		Nguyễn Thành Bắc	TTTTHTNTO		
41	ĐH	17	20251AT6057012	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa điện-điện tử ô tô	CL	22						13×18	418-A10	1/3															Chu Đức Hùng	TTTTHTNTO		
42	ĐH	17	20251AT6057013	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa điện-điện tử ô tô	CL	22							13×18	418-A10	1/3															Lê Đình Đạt	TTTTHTNTO	
43	ĐH	17	20251AT6057015	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa điện-điện tử ô tô	CL	22										13×18	418-A10	3/15												Lê Đình Mạnh	TTTTHTNTO	
44	ĐH	17	20251AT6057016	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa điện-điện tử ô tô	CL	22												13×18	419-A10	1/3									Nguyễn Thành Vinh	TTTTHTNTO		
45	ĐH	17	20251AT6057017	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa điện-điện tử ô tô	CL	22														13×18	419-A10	1/3							Nguyễn Trung Kiên	TTTTHTNTO		
46	ĐH	19	20251AT6070001	Thực hành lắp ráp mạch điện tử ô tô	CL	22														7×12	419-A10	3/10							Nguyễn Thành Vinh	TTTTHTNTO		
47	ĐH	19	20251AT6070002	Thực hành lắp ráp mạch điện tử ô tô	CL	22						7×12	419-A10	3/10																Đoàn Công Thành	TTTTHTNTO	
48	ĐH	19	20251AT6070003	Thực hành lắp ráp mạch điện tử ô tô	CL	22									7×12	419-A10	3/10													Lê Đình Mạnh	TTTTHTNTO	
49	ĐH	17	20251AT6052005	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa ô tô	CL	22														1+6	408-A10	1/3							Nguyễn Thành Vinh	TTTTHTNTO		
50	ĐH	17	20251ME6096001	Thực hành gia công, lắp ráp khuôn	CL	19						1+6	101-A10 102-A10	1/3															Vũ Đình Toàn	THTHTNCK		
51	ĐH	17	20251ME6096002	Thực hành gia công, lắp ráp khuôn	CL	16						1+6	101-A10 102-A10	1/3															Nguyễn Văn Đức	THTHTNCK		
52	ĐH	17	20251ME6113001	Thực hành CNC	CL	25		1+6	102-A10	3/10																			Đào Ngọc Hoàng	THTHTNCK		
53	ĐH	17	20251ME6113002	Thực hành CNC	CL	27		1+6	110-A9	3/10																			Nguyễn Mai Anh	THTHTNCK		
54	ĐH	17	20251ME6113003	Thực hành CNC	CL	25		7×12	102-A10	3/10																			Nguyễn Mai Anh	THTHTNCK		
55	ĐH	17	20251ME6113004	Thực hành CNC	CL	25		7×12	110-A9	3/10																			Trần Ngọc Tân	THTHTNCK		
56	ĐH	17	20251ME6113006	Thực hành CNC	CL	25							7×12	110-A9	3/10														Trần Ngọc Tân	THTHTNCK		
57	ĐH	17	20251ME6113007	Thực hành CNC	CL	25							13×17	102-A10	3/10														Vũ Đình Toàn	THTHTNCK		
58	ĐH	17	20251ME6113008	Thực hành CNC	CL	26							13×17	110-A9	3/10														Nguyễn Văn Quê	THTHTNCK		
59	ĐH	17	20251ME6113010	Thực hành CNC	CL	25												7×12	110-A9	3/10									Vũ Đình Toàn	THTHTNCK		
60	ĐH	17	20251ME6113011	Thực hành CNC	CL	26												7×12	102-A10	3/10									Đào Ngọc Hoàng	THTHTNCK		
61	ĐH	17	20251ME6038004	Thực hành gia công tia lửa điện	CL	31							1+6	101-A10	3/10														Nguyễn Mai Anh	THTHTNCK		
62	ĐH	17	20251AT6078001	Thí nghiệm cơ điện tử ô tô	CL	30				7×12	418-A10	2/10																	Nguyễn Thành Bắc	CKDL		
63	ĐH	17	20251AT6078002	Thí nghiệm cơ điện tử ô tô	CL	30												7×12	419-A10	2/10									Lê Đình Đạt	CKDL		
64	ĐH	17	20251AT6024001	Mô hình hóa và mô phỏng hệ thống cơ điện tử ô tô	CL	30							7×12	502-A10	3/10														Lê Đình Đạt	CKDL		

TT	Hệ	Khóa	Lớp	Học phần/ Môn học	Nhóm	SL HSSV	Tiết học - Phòng học /Tổng số buổi học																						
							Thứ 2			Thứ 3			Thứ 4			Thứ 5			Thứ 6			Thứ 7			CN				
							Tiết học	Phòng- Nhà	Buổi học/ Tổng số buổi	Tiết học	Phòng- Nhà	Buổi học/ Tổng số buổi	Tiết học	Phòng- Nhà	Buổi học/ Tổng số buổi	Tiết học	Phòng- Nhà	Buổi học/ Tổng số buổi	Tiết học	Phòng- Nhà	Buổi học/ Tổng số buổi	Tiết học	Phòng- Nhà	Buổi học/ Tổng số buổi	Tiết học	Phòng- Nhà	Buổi học/ Tổng số buổi	Giáo viên	Đơn vị quản lý giảng viên
65	DH	17	20251AT6024002	Mô hình hóa và mô phỏng hệ thống cơ điện tử ô tô	CL	30														7+12	502-A10	3/10			Nguyễn Trung Kiên	CKDL			
66	DH-KS	3	20251ME6174001	Các phương pháp gia công tiên tiến	1	21									13,14,15, 16,17	101-A10	02/05									Trần Quốc Hùng	Khoa CNCK		
67	DH-KS	3	20251ME6175001	Gia công cắt gọt cao tốc	1	28																	13,14,15, 16,17	110-A9	02/05	Nguyễn Văn Quê	Khoa CNCK		
68	DH-KS	3	20251ME6172001	Hệ thống sản xuất linh hoạt FMS và tích hợp CIM	1	35											13,14,15, 16,17	303-A10	1/5							Trịnh Văn Long	Khoa CNCK		
69	DH-KS	3	20251ME6176001	Công nghệ phủ bề mặt	1	23														7,8,9,10,1 1,12	104-A9	2/5					Dương Văn Thiết	Khoa CNCK	
70	DH-KS	3	20251ME6176001	Công nghệ phủ bề mặt	2	23														13,14,15, 16,17	104-A9	2/5					Dương Văn Thiết	Khoa CNCK	
71	DH-KS	3	20251ME6170001	Ứng dụng phần tử hữu hạn trong kỹ thuật cơ khí	1	35																	7,8,9,10,1 1,12	303-A10	02/05	Nguyễn Văn Luật	Khoa CNCK		
72	DH	17	20251AT6025_TA00 1	Automotive Modeling and Simulation Systems	CL	14				1,2,3,4,5, 6	516A10	3/10															Hoàng Quang Tuấn	CNOTO	
73	DH	17	20251AT6025009	Mô hình hóa và mô phỏng ô tô	CL	21											1,2,3,4,5, 6	516A10	3/10								Hoàng Quang Tuấn	CNOTO	
74	DH	17	20251AT6025016	Mô hình hóa và mô phỏng ô tô	CL	20														1,2,3,4,5, 6	516A10	3/10					Hoàng Quang Tuấn	CNOTO	
75	DH	18	20251AT6029004	Thí nghiệm ô tô	CL	25	13,14,15, 16,17	404A10	3/12																			Bùi Văn Hải	CNOTO
76	DH	18	20251AT6029002	Thí nghiệm ô tô	CL	25											7,8,9,10,1 1,12	404A10	3/10									Phạm Việt Thành	CNOTO
77	DH	17	20251AT6025002	Mô hình hóa và mô phỏng ô tô	CL	25				1,2,3,4,5, 6	503A10	3/10																Nguyễn Xuân Hiền	CNOTO
78	DH	17	20251AT6025005	Mô hình hóa và mô phỏng ô tô	CL	24							7,8,9,10,1 1,12	503A10	3/10													Nguyễn Xuân Hiền	CNOTO
79	DH	17	20251AT6025015	Mô hình hóa và mô phỏng ô tô	CL	20														1,2,3,4,5, 6	507A10	3/10						Nguyễn Xuân Hiền	CNOTO
80	DH	17	20251AT6025014	Mô hình hóa và mô phỏng ô tô	CL	23														7,8,9,10,1 1,12	516A10	3/10						Nguyễn Xuân Hiền	CNOTO
81	DH	17	20251AT6025003	Mô hình hóa và mô phỏng ô tô	CL	21				7,8,9,10,1 1,12	516A10	3/10																Vũ Hải Quân	CNOTO
82	DH	17	20251AT6025016	Mô hình hóa và mô phỏng ô tô	CL	21							7,8,9,10,1 1,12	516A10	3/10													Vũ Hải Quân	CNOTO
83	DH	17	20251AT6025007	Mô hình hóa và mô phỏng ô tô	CL	20							1,2,3,4,5, 6	516A10	3/10													Đỗ Văn Cường	CNOTO
84	DH	17	20251AT6025008	Mô hình hóa và mô phỏng ô tô	CL	21							13,14,15, 16,17	516A10	3/10													Đỗ Văn Cường	CNOTO
85	DH	17	20251AT6025004	Mô hình hóa và mô phỏng ô tô	CL	22							1,2,3,4,5, 6	503A10	3/10													Trịnh Đắc Phong	CNOTO
86	DH	17	20251AT6025011	Mô hình hóa và mô phỏng ô tô	CL	25											1,2,3,4,5, 6	503A10	3/10									Trịnh Đắc Phong	CNOTO
87	DH	17	20251AT6025010	Mô hình hóa và mô phỏng ô tô	CL	25											7,8,9,10,1 1,12	516A10	3/10									Trịnh Đắc Phong	CNOTO
88	DH	17	20251AT6025012	Mô hình hóa và mô phỏng ô tô	CL	24														1,2,3,4,5, 6	506A10	3/10						Trịnh Đắc Phong	CNOTO
89	DH	17	20251AT6025001	Mô hình hóa và mô phỏng ô tô	CL	20	13,14,15, 16,17	516A10	3/12																			Thần Quốc Việt	CNOTO
90	DH	19	20251ME6024009	Lý thuyết cơ cấu	1	22				1,2,3,4,5, 6	106A9	1/3																Nguyễn Thị Thu Hường	KTCS
91	DH	19	20251ME6024007	Lý thuyết cơ cấu	1	22				7,8,9,10,1 1,12	106A9	1/3																Nguyễn Thị Thu Hường	KTCS